

Bản án: 236/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 05 - 10 - 2018

“V/v Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HOÀ, TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Hiệp.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Kim Cương.

2. Ông Đào Văn Hùng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An;

Ngày 05 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 697/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 263/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 140/2018/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà H, sinh năm: 1978

Địa chỉ: Ấp Z, xã X, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Ông T, sinh năm: 1968.

Địa chỉ: Ấp Z, xã X, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

(Bà H xin vắng mặt; Ông T vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 15/6/2018 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà H trình bày: Bà H và ông T chung sống với nhau vào năm 1997, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất hòa trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống chung không phù hợp và ông T đã bỏ đi từ đó đến nay. Nay bà H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn ông T.

Về con chung: Bà H khai, vợ chồng chung sống có 01 con chung tên S, sinh ngày 8/8/1999. Khi ly hôn, con chung đã trưởng thành nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ông T, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông T không đến Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An làm việc hoặc phản hồi ý kiến của ông Huy về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà căn cứ các kết quả thẩm tra, xét hỏi tại phiên Toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp là hôn nhân gia đình; Bị đơn ông T có hộ khẩu thường trú tại ấp Z, xã X, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An.

[1.2] Về tố tụng: Nguyên đơn bà H xin vắng mặt và bị đơn ông T vắng mặt không lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của BLTTDS năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà H và ông T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông T chung sống với nhau vào năm 1997, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà H và ông T chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất hòa trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống chung không phù hợp và ông T đã bỏ đi từ đó đến nay nên bà H tha thiết xin được ly hôn với ông T. Ngược lại, ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt không đến Tòa án dự hòa giải đoàn tụ cũng như không tham dự phiên tòa. Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn gia đình giữa bà H và ông T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được và cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài. Vì vậy, bà H yêu cầu được xin ly hôn với anh T là phù hợp Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà H khai, vợ chồng chung sống có 01 con chung tên S, sinh ngày 8/8/1999. Khi ly hôn, con chung đã trưởng thành nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngược lại, anh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng không phản hồi ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[2.3] Về tài sản chung: Bà H khai, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét. Ngược lại, ông T đã được triệu tập hợp lệ nhưng không phản hồi ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[2.4] Về nợ chung: Bà H khai, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét. Ngược lại, ông T đã được triệu tập hợp lệ nhưng không phản hồi ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] Về án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H xin ly hôn với ông T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà H được ly hôn với ông T.

Về án phí: Bà H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sung sơ thẩm công quỹ Nhà nước, được khấu trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà đã nộp theo biên lai số 2646 ngày 19 tháng 6 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hoà sang án phí để thi hành.

Án này là sơ thẩm, bà H và ông T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện
- TAND tỉnh Long An
- UBND xã B
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Văn Hiệp